|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ****\_\_\_\_\_\_\_\_**Số:      /2019/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày     tháng năm 2019* |

***(DỰ THẢO)***

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động; người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp; hoạt động hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quyền và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 2 Luật BHXH năm 2014 tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc (sau đây gọi tắt là người lao động), bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và viên chức;

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

c) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;

d) Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu;

đ) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên và người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng. Không bao gồm người lao động là người giúp việc gia đình;

e) Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý Điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương.

2. Người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp là cơ sở y tế có đủ điều kiện hoạt động khám, điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phục hồi chức năng lao động là quá trình phục hồi chức năng cho người lao động thuộc đối tượng quy định tại Nghị định này.

3.Cơ sở phục hồi chức năng lao động là cơ sở y tế có đủ điều kiện hoạt động phục hồi chức năng theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

**Chương II**

**CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 4. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động**

1. Người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật an toàn, vệ sinh lao động, nếu bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, được Quỹ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chi trả các chế độ sau đây:

a) Các chế độ theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng;

b) Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và phục hồi chức năng lao động quy định tại Chương III của Nghị định này.

2. Tiền lương để tính chi trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng hoặc một lần quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tại điểm d Khoản 7 Điều 9 của Nghị định này.

3. Hồ sơ, điều kiện, thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ, điều kiện, thủ tục thực hiện chế độ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 58, Điều 59, Điều 60 và Điều 61 Luật an toàn, vệ sinh lao động;

b) Điều kiện, hồ sơ, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Chương III của Nghị định này.

4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể cách tính mức hưởng trợ cấp do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi giám định lần đầu, giám định lại, giám định tổng hợp do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động.

**Điều 5. Chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp**

1. Người lao động khi đã nghỉ hưu, chuyển việc hoặc thôi không còn làm các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp mà nghi ngờ hoặc thấy có triệu chứng, dấu hiệu bị bệnh nghề nghiệp do các nghề, công việc đó gây nên thì được chủ động đi khám phát hiện và giám định mức suy giảm khả năng lao động do mắc bệnh nghề nghiệp như sau:

a) Người lao động đã nghỉ hưu, thôi việc gửi bản sao hồ sơ sức khỏe cá nhân đến cơ sở khám bệnh nghề nghiệp để khám phát hiện bệnh nghề nghiệp (có bản chính để đối chiếu). Sau khi có kết quả khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, cơ sở khám bệnh nghề nghiệp hoàn thiện hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định của Bộ Y tế.

b) Người lao động đã chuyển làm công việc khác không còn làm các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp gửi hồ sơ sức khỏe cá nhân đến cơ sở khám bệnh nghề nghiệp để khám phát hiện bệnh nghề nghiệp. Sau khi khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, người lao động hoặc người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc lập hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp trên cơ sở hồ sơ quản lý sức khỏe của người lao động.

c) Sau khi có hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp, người lao động chủ động đi khám hoặc đề nghị đơn vị nơi người lao động đã từng làm việc hoặc đang làm việc giới thiệu đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.

2. Trong trường hợp hồ sơ của người lao động không có số liệu quan trắc môi trường lao động tại thời điểm làm các nghề, công việc có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp thì cơ sở khám, giám định bệnh nghề nghiệp căn cứ vào danh mục bệnh nghề nghiệp tương ứng với nghề và các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp tương tự khi làm việc trong cùng môi trường lao động, điều kiện lao động để chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp; ghi rõ các căn cứ trên trong bản kết quả khám, giám định bệnh nghề nghiệp.

3. Người lao động bị bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều này được Quỹ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chi trả các chế độ sau đây:

a) Các chế độ theo quy định tại Mục 3 Chương III Luật an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

b) Hỗ trợ 100% mức chi khám, chữa bệnh nghề nghiệp tính theo biểu giá khám, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại thời điểm người lao động khám bệnh nghề nghiệp, sau khi đã được bảo hiểm y tế chi trả.

4. Người lao động được hưởng các chế độ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phát hiện bị bệnh nghề nghiệp trong khoảng thời gian bảo đảm kể từ ngày nghỉ hưu, chuyển việc khác hoặc thôi không còn làm các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp;

b) Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a khoản này;

c) Có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời gian làm nghề, công việc gây ra bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a khoản này.

5. Người lao động được hưởng chế độ quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phát hiện bị bệnh nghề nghiệp trong khoảng thời gian bảo đảm kể từ ngày nghỉ hưu, chuyển việc khác hoặc thôi không còn làm các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp;

b) Suy giảm khả năng lao động do bị bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a khoản này;

c) Có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời gian làm nghề, công việc gây ra bệnh nghề nghiệp quy định tại Điểm a khoản này.

6. Hồ sơ hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp của người lao động theo mẫu số 11 Phụ lục I

b) Sổ Bảo hiểm xã hội đối với người đang làm việc; bản sao quyết định hưởng chế độ hưu trí đối với người lao động đã nghỉ hưu;

c) Bản sao có chứng thực hồ sơ khám, xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp;

d) Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi chữa hoặc điều trị bệnh nghề nghiệp; trường hợp không điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì phải có giấy khám bệnh nghề nghiệp;

đ) Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa;

e) Bản sao có chứng thực kết quả quan trắc môi trường lao động của nơi người lao động làm các nghề, công việc gây ra bệnh nghề nghiệp, trong thời gian người lao động đã làm việc (nếu có).

7. Hồ sơ để được hỗ trợ khám, chữa bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này gồm có:

a) Thành phần hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 16 và Khoản 1, 2 Điều 20 của Nghị định này;

b) Bản chính chứng từ thanh toán các chi phí khám, điều trị bệnh nghề nghiệp theo quy định.

8. Trình tự giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp

a) Trường hợp có đủ hồ sơ quy định tại Khoản 6 Điều này, người lao động hoặc người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc nộp hồ sơ cho cơ quan bảo hiểm xã hội, kèm theo văn bản đề nghị giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp theo mẫu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành, để giải quyết chế độ theo đúng quy định tại Điều 59 Luật An toàn, vệ sinh lao động; riêng trường hợp hồ sơ không có bản sao kết quả quan trắc môi trường lao động, thì gửi văn bản đề nghị giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết theo thời hạn quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 21 của Nghị định này.

b) Trường hợp có đủ hồ sơ quy định tại Khoản 7 Điều này, người lao động hoặc người sử dụng lao động nơi người lao động đang làm việc nộp hồ sơ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để đề nghị hỗ trợ theo đúng quy định tại Điều 17 và Điều 21 của Nghị định này.

9. Thời điểm hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp được tính từ tháng có kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

10. Thời gian bảo đảm đối với từng bệnh nghề nghiệp và trình tự, danh mục bệnh nghề nghiệp phổ biến tương ứng với các nghề, công việc, hồ sơ khám giám định mức suy giảm khả năng lao động đối với người lao động theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

 **Điều 6. Hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất theo quy định tại Điều 53 của Luật an toàn, vệ sinh lao động đối với trường hợp bị tai nạn giao thông khi đang thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động hoặc khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc đi từ nơi làm việc về nơi ở**

1. Sổ bảo hiểm xã hội

2. Bản sao giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

3. Tờ khai của thân nhân và biên bản họp của các thân nhân đối với trường hợp đủ điều kiện hưởng hằng tháng nhưng chọn hưởng trợ cấp tuất một lần.

4. Hồ sơ giải quyết tai nạn giao thông của cơ quan cảnh sát giao thông hoặc văn bản xác nhận bị tai nạn của cơ quan công an cấp xã nơi xảy ra tai nạn hoặc văn bản xác nhận bị tai nạn của chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn.

 **Điều 7. Ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật**

1. Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật theo quy định tại Điều 54 của Luật an toàn, vệ sinh lao động bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hằng tuần theo quy định của pháp luật về lao động.

 2. Trường hợp người lao động không nghỉ việc thì không được hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật.

**Điều 8. Tham gia quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

1. Người lao động mà được cử đi học tập, thực tập, công tác trong nước và nước ngoài có hưởng tiền lương hoặc nghỉ việc do bị ngừng việc, chờ việc có hưởng tiền lương thì người sử dụng lao động vẫn phải đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời gian đi học tập, thực tập, công tác, ngừng việc, chờ việc.

2. Trường hợp bị tai nạn lao động ngay trong tháng đầu đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc trong tháng đầu trở lại làm việc đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau thời gian đóng bảo hiểm gián đoạn do chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của tháng đó.

3. Đối với thời gian người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động thì người sử dụng lao động nơi người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật an toàn, vệ sinh lao động và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội vào các quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định.

4. Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bao gồm cả tiền lãi theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết quyền lợi cho người lao động.

**Điều 9. Thời gian, tiền lương tháng làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

1. Thời gian làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động, không kể thời gian đóng trùng của các hợp đồng lao động; thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu không liên tục thì được cộng dồn; thời gian người lao động giữ các chức danh theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 trước ngày 01 tháng 01 năm 1998 mà được tính hưởng bảo hiểm xã hội thì thời gian đó được tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, thời gian không làm việc hoặc nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì tháng đó người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tháng đó không được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng người sử dụng lao động không phải đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hợp đồng lao động hết thời hạn trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi hợp đồng lao động hết thời hạn được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thời gian hưởng chế độ thai sản sau khi hợp đồng lao động hết thời hạn không được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Thời gian hưởng chế độ thai sản của người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi quy định tại khoản 4 Điều 31 của Luật Bảo hiểm xã hội không được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c) Trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kể từ thời điểm đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con thì lao động nữ vẫn được hưởng chế độ thai sản cho đến khi hết thời hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều 34 của Luật Bảo hiểm xã hội nhưng người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

d) Trường hợp người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng, người mẹ nhờ mang thai hộ, người cha nhờ mang thai hộ hưởng chế độ thai sản mà không nghỉ việc thì người sử dụng lao động vẫn phải đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

4. Người lao động khi bị tạm giam, bị tạm đình chỉ công tác mà phải tạm dừng tham gia quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu sau đó được đóng bù theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội thì thời gian đóng bù được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội đã được tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì không tính vào thời gian làm cơ sở tính hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

6. Tổng số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được xác định như sau:

a) Đối với trường hợp bị tai nạn lao động là tổng số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tính đến tháng trước liền kề tháng bị tai nạn lao động;

b) Đối với trường hợp bị bệnh nghề nghiệp là tổng số năm đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tính đến tháng trước liền kề tháng làm công việc mà công việc đó gây ra bệnh nghề nghiệp;

c) Trường hợp người lao động đồng thời giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trùng nhau của các hợp đồng lao động chỉ được tính một lần;

d) Một năm được tính khi có đủ 12 tháng đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

7. Tiền lương đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được xác định như sau:

a) Tiền lương tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Trường hợp người lao động bị tai nạn lao động ngay trong tháng đầu đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong tháng đầu trở lại làm việc đóng bảo hiểm sau thời gian đóng gián đoạn do chấm dứt hợp đồng lao động thì bằng tiền lương đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của chính tháng đó;

b) Tiền lương tháng cuối cùng đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của công việc đã làm mà công việc đó gây ra bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp;

c) Trường hợp người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 mà thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp được tính trên cơ sở hệ số tiền lương và phụ cấp (nếu có) nhân với mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng trợ cấp.

d) Trường hợp người lao động đồng thời giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì tiền lương tính hưởng trợ cấp bằng tổng các mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của tất cả các hợp đồng lao động tại tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động hoặc bị bệnh nghề nghiệp của lần sau cùng nhưng không quá 20 tháng lương cơ sở.

**Chương III**

**CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA, CHIA SẺ RỦI RO VỀ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Mục1**

**HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆ****P**

**Điều 10. Điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc**

Người lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi công việc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại Điều 55 Luật an toàn, vệ sinh lao động khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Suy giảm khả năng lao động do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 5% trở lên;

2. Được người sử dụng lao động sắp xếp công việc mới thuộc quyền quản lý phù hợp với sức khỏe, nguyện vọng của người lao động nhưng công việc đó cần phải đào tạo nghề để chuyển đổi công việc.

**Điều 11. Mức và thẩm quyền quyết định hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp**

1. Học phí quy định tại Khoản 2 Điều 55 của Luật An toàn, vệ sinh lao động được tính trên cơ sở giá dịch vụ đào tạo nghề theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định hỗ trợ cho từng đối tượng như sau:

a) Mức hỗ trợ không quá 50% mức học phí và 15 lần mức lương cơ sở tương ứng mức độ suy giảm khả năng lao động quy định tại Bảng 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

b) Số lần hỗ trợ tối đa đối với mỗi người lao động là hai lần và trong 01 năm chỉ được nhận hỗ trợ một lần

**Điều 12. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

1. Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 01, Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao chứng thực Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa*.*

3. Bản sao công chứng, chứng thực các chứng từ thanh toán các chi phí đào tạo theo quy định.

**Điều 13. Trình tự giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp**

1. Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều11 Nghị định này cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định mức hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định hỗ trợ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp.

**Mục 2**

**HỖ TRỢ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 14. Điều kiện hỗ trợ khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động**

Người lao động được hỗ trợ chi phí khám bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 56 Luật an toàn, vệ sinh lao động quy định khi có đủ điều kiện sau đây:

1. Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đủ từ 12 tháng trở lên và đang tham gia tính đến tháng liền kề trước của tháng đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

2. Người lao động được đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp là người nghi ngờ mắc bệnh nghề nghiệp sau khi khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp và đã được cử đi giám định bệnh nghề nghiệp.

**Điều 15**. **Mức hỗ trợ chi phí khám bệnh nghề nghiệp**

1. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí khám bệnh nghề nghiệp tính theo biểu giá khám bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại thời điểm người lao động khám bệnh nghề nghiệp sau khi đã được bảo hiểm y tế chi trả, nhưng không quá 1/2 mức lương cơ sở/người/lần khám.

2. Số lần hỗ trợ tối đa đối với mỗi người lao động là 02 lần và trong 01 năm chỉ được nhận hỗ trợ 01 lần.

**Điều 16.** **Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí khám bệnh nghề nghiệp**

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

2. Bản sao có chứng thực Hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp.

3. Bản sao chứng từ thanh toán các chi phí khám bệnh nghề nghiệp theo quy định.

**Điều 17. Trình tự giải quyết hỗ trợ chi phí khám bệnh nghề nghiệp**

1. Đối với trường hợp đủ điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định này, người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định việc hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp.

**Điều 18. Điều kiện hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động**

Người lao động được hỗ trợ chữa bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 56 Luật an toàn, vệ sinh lao động khi có đủ điều kiện sau đây:

1. Đã được chẩn đoán bị bệnh nghề nghiệp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp đủ điều kiện;

2. Đã tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động đủ 12 tháng trở lên và đang được tham gia tính đến tháng liền kề trước của tháng đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

3. Người sử dụng lao động đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong thời gian người lao động làm các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp;

4. Người sử dụng lao động đã tổ chức khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định.

**Điều 19. Mức hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp**

1. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí chữa bệnh nghề nghiệp tính theo biểu giá chữa bệnh nghề nghiệp tại thời Điểm người lao động chữa bệnh nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế sau khi đã được bảo hiểm y tế chi trả, nhưng không quá 10 lần mức lương cơ sở/người.

2. Số lần hỗ trợ tối đa đối với mỗi người lao động là 02 lần và trong 01 năm chỉ được nhận hỗ trợ 01 lần.

**Điều 20. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp**

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

2. Bản sao có chứng thực hồ sơ xác định mắc bệnh nghề nghiệp của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp đủ điều kiện;

3. Bản sao giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi chữa bệnh nghề nghiệp;

4. Bản sao chứng từ thanh toán chi phí chữa bệnh nghề nghiệp.

**Điều 21. Trình tự giải quyết hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp**

1. Trường hợp đủ điều kiện quy định tại Điều18 Nghị định này, nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 20 Nghị định này cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, mang theo bản chính chứng từ thanh toán để đối chiếu với bản sao.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc tiến hành thẩm định hồ sơ, quyết định việc hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được kinh phí hỗ trợ chữa bệnh nghề nghiệp này, người sử dụng lao động có trách nhiệm chuyển trả cho người lao động.

**Mục 3**

**HỖ TRỢ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG LAO ĐỘNG**

**Điều 22. Điều kiện hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng cho người lao động**

Người lao động được hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 56 Luật an toàn, vệ sinh lao động khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định phục hồi chức năng lao động;

2. Suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Điều 23. Mức hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động**

1. Mức hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động tối đa bằng 50% chi phí phục hồi chức năng lao động sau khi đã được bảo hiểm y tế chi trả, nhưng không vượt quá 02 lần mức lương cơ sở/người/lượt.

2. Số lần hỗ trợ tối đa đối với mỗi người lao động là 02 lần và trong 01 năm chỉ được nhận hỗ trợ 01 lần.

**Điều 24. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động**

1. Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động cho người lao động theo mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

2. Bản sao có chứng thực Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định Y khoa;

3. Bản sao có chứng thực giấy chuyển viện đến đơn vị phục hồi chức năng lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp phải chuyển viện; đối với trường hợp bệnh viện có khoa phục hồi chức năng, bản sao có chứng thực bệnh án có nội dung chuyển bệnh nhân về khoa phục hồi chức năng;

4. Bản sao chứng từ thanh toán chi phí phục hồi chức năng, không bao gồm kinh phí cho trang thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng.

**Điều 25. Trình tự giải quyết hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng cho người lao động**

1. Người lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 24 Nghị định này cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, mang theo bản chính chứng từ thanh toán để đối chiếu với bản sao.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định việc hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng cho người lao động.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được kinh phí hỗ trợ phục hồi chức năng này, người sử dụng lao động có trách nhiệm chuyển trả cho người lao động.

**Mục 4**

**HỖ TRỢ ĐIỀU TRA LẠI CÁC VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**Điều 26. Điều kiện hỗ trợ**

Điều kiện chi hỗ trợ chi phí điều tra lại các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 56 Luật an toàn, vệ sinh lao động được quy định như sau:

1. Các vụ tai nạn lao động và trường hợp bệnh nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền tổ chức điều tra lại khi có yêu cầu của cơ quan bảo hiểm xã hội,trừ các trường hợp khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan quản lý nhà nước;

2. Thành phần đoàn điều tra lại các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gồm thành phần đoàn điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và có sự tham gia của đại diện cơ quan bảo hiểm xã hội.

**Điều 27. Nội dung chi và mức hỗ trợ**

Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chi trả 100% kinh phí chi cho việc điều tra lại các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định hiện hành bao gồm:

a) Công tác phí cho những người tham gia đoàn điều tra;

b) Chi phí thuê chuyên gia và phí trưng cầu giám định;

c) In ấn các tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

d) Tổ chức cuộc họp công bố biên bản điều tra lại;

đ) Các chi phí hợp lý hợp pháp khác liên quan trực tiếp đến điều tra

**Điều 28. Hồ sơ hỗ trợ**

1. Quyết định thành lập đoàn điều tra tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.

2. Biên bản điều tra lại các vụ tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.

3. Bản chính chứng từ thanh quyết toán chứng minh chi phí cho việc điều tra theo quy định của pháp luật.

**Điều 29. Trình tự hỗ trợ**

1. Cơ quan Bảo hiểm xã hội có văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền điều tra lại các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Căn cứ vào đề nghị của cơ quan Bảo hiểm xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định thành lập đoàn điều tra tai nạn lao động; Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thuộc ngành Y tế xem xét, quyết định thành lập đoàn điều tra bệnh nghề nghiệp.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập đoàn Điều tra có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán kinh phí cần hỗ trợ gửi cơ quan bảo hiểm xã hội để tạm ứng tối đa 80% kinh phí Điều tra.

4. Sau khi tiến hành Điều tra lại, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thành lập đoàn Điều tra quy định tại Khoản 2 Điều này gửi hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 29 Nghị định này về cơ quan bảo hiểm xã hội.

5. Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm quyết toán chi phí hỗ trợ Điều tra lại các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

**Mục 5**

**HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Điều 30. Nội dung hỗ trợ huấn luyện**

Nọi dung hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật an toàn, vệ sinh lao động gồm có các khoản chi sau:

1. Chi xây dựng tư liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động bao gồm tài liệu, phim ảnh, sách, tranh, mua bản quyền tài liệu, sách, tranh, phim ảnh và các chi khác.

2. Chi hỗ trợ tài liệu huấn luyện cho các nhóm đối tượng huấn luyện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 56 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Hỗ trợ tài liệu huấn luyện huấn luyện có thể cung cấp dưới dạng bản in, bản điện tử, băng, đĩa huấn luyện.

3. Mua giáo cụ trực quan, trang thiết bị phục vụ hoạt động huấn luyện.

4. Chi trả chi phí huấn luyện.

**Điều 31. Điều kiện nhận hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động**

Người sử dụng lao động được nhận hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động quy định tại Khoản 4 Điều 30 Nghị định này khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được người sử dụng lao động tham gia đóng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ huấn luyện.

2.Thuê tổ chức huấn luyện hoặc tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo đúng quy định tại chương trình khung huấn luyện hoặc huấn luyện định kỳ; huấn luyện lần đầu, qua kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu.

3.Trong thời gian tham gia bảo hiểm 10 năm cho một người lao động, người sử dụng lao động chỉ được nhận hỗ trợ 1 lần chi phí huấn luyện cho người lao động là đối tượng được hỗ trợ chi phí huấn luyện.

Trường hợp người lao động làm việc cho nhiều người sử dụng lao động và thuộc nhóm đối tượng được hỗ trợ khác nhau, từng người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội được nhận chi phí hỗ huấn luyện cho người lao động.

Trường hợp người lao động làm việc cho nhiều người sử dụng lao động và thuộc cùng một nhóm đối tượng huấn luyện được hỗ trợ, người sử dụng lao động thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động huấn luyện hoặc tự tổ chức huấn luyện cho người lao động (doanh nghiệp tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động) lần đầu theo chương trình khung hoặc đầu tiên trong định kỳ huấn luyện được nhận chi phí hỗ huấn luyện cho người lao động.

Trong vòng 12 tháng kể từ ngày người sử dụng lao động nhận hỗ trợ chi phí huấn luyện cho người lao động và người lao động chuyển làm việc cho người sử dụng lao động mới thì người lao động phải có đủ thời gian 12 tháng làm việc cho người sử dụng lao động mới thì thuộc đối tượng người sử dụng lao động mới được nhận hỗ trợ chi phí huấn luyện.

4. Thực hiện báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động cho Sở Lao động- Thương binh và Xã hội năm trước liền kề năm đề nghị; không bị cơ quan bảo hiểm xã hội thông báo nợ đọng bảo hiểm 03 tháng liền kề hoặc trốn đóng bảo hiểm năm trước liền kề năm đề nghị hỗ trợ thanh toán.

5. Chỉ hỗ trợ chi phí huấn luyện cho các đối tượng được huấn luyện trong năm trước năm liền kề đề nghị hỗ trợ thanh toán, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Nghị định này.

**Điều 32. Mức hỗ trợ chi phi phí xây dựng tài liệu huấn luyện và nguyên tắc hỗ trợ tài liệu, giáo cụ, trang thiết bị huấn luyện**

1. Chi phí mua bản quyền tài liệu, tư liệu, phim huấn luyện: Thực hiện theo quy định của Pháp luật về bản quyền.

2. Chi phí xây dựng mới tài liệu huấn luyện: 300.000 đồng/trang (350 từ).

3. Chi phí xây dựng cập nhật tài liệu: 150.000 đồng/trang (350 từ).

4. Chi phí dịch tài liệu, bao gồm cả hiệu đính: 200.000 đồng/trang.

5. Chi phí xây dựng phim: Phim phóng sự tối đa không quá 100.000.000 đồng/phim có thời lượng không quá 10 phút; phim hoạt hình tối đa 300.000.000 đồng/phim có thời lượng không quá 10 phút; phim khác tối đa không quá 200.000.000 đồng/phim có thời lượng không quá 10 phút.

 Trường hợp thời lượng phim dài hơn 10 phút thì mức chi xây dựng phím tối đa không vượt mức chi quy định tại điểm này.

6. Ảnh vẽ mô phỏng: Tối đa không quá 10.000.000 đồng/ảnh (thanh toán 1 lần mua bản quyền trọn gói).

7. Ảnh chụp: Tối đa không quá 1.000.000 đồng/ảnh (thanh toán 1 lần mua bản quyền trọn gói).

8. Các đối tượng thuộc khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động được hỗ trợ tài liệu huấn luyện miễn phí khi huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ và được cấp thông qua các tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, doanh nghiệp tự huấn luyện đủ điều kiện hoạt động huấn luyện theo quy định của pháp luật.

9. Việc in, mua tài liệu hoặc giáo cụ trực quan, trang thiết bị thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Chi phí hỗ trợ xây dựng tư liệu huấn luyện, giáo cụ trực quan, trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động được bố trí cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức triển khai, xây dựng thống nhất một đầu mối. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội công bố danh mục tài liệu huấn luyện hỗ trợ.

**Điều 33. Mức hỗ trợ chi phí huấn luyện**

1. Huấn luyện lần đầu theo chương trình khung theo quy định của pháp luật:

a) Thanh toán theo mức khoán 600.000 đồng/người đối với người lao động là người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

b) Thanh toán theo mức khoán 300.000 đồng/người đối với người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế trong cở sở sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả tổ chức sử dụng lao động)

c) Thanh toán theo mức khoán 300.000 đồng/người đối với người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, an toàn, vệ sinh viên.

d) Trường hợp người lao động làm việc cho cùng một người sử dụng lao động nhưng thuộc nhiều nhóm đối tượng hỗ trợ huấn luyện thì chỉ được hỗ trợ chi phí huấn luyện theo một mức cao nhất.

2. Hỗ trợ huấn luyện định kỳ: Thanh toán theo mức khoán bằng 50% hỗ trợ lần đầu, cụ thể như sau:

a) Thanh toán theo mức khoán 300.000 đồng/người đối với người lao động là người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động;

b) Thanh toán theo mức khoán 150.000 đồng/người đối với người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế trong cở sở sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả tổ chức sử dụng lao động);

c) Thanh toán theo mức khoán 150.000 đồng/người đối với người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, an toàn, vệ sinh viên.

**Điều 34. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí huấn luyện**

Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí huấn luyện cho người lao động, có thông tin danh sách đối tượng người sử dụng lao động đề nghị hỗ trợ, nội dung đề nghị hỗ trợ, thông tin tham gia bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kết quả huấn luyện đạt yêu cầu trong năm đề nghị theo mẫu số 01 và 02 Phụ lục II Nghị định này; đồng thời gửi thư điện tử đến địa chỉ thư công vụ do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội công bố.

**Điều 35. Trình tự xem xét, giải quyết hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động**

1. Hàng năm, trước ngày 30 tháng 01, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội công bố danh sách người sử dụng lao động tại địa phương thực hiện báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động để làm cơ sở xem xét hỗ trợ huấn luyện từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động trong năm đề nghị trên Cổng thông tin điện tử của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đồng thời gửi văn bản cho Bảo hiểm xã hội địa phương và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Hàng năm, trước ngày 30 tháng 1, Bảo hiểm xã hội tỉnh thông báo danh sách người sử dụng lao động nợ hoặc trốn đóng bảo hiểm xã hội trong năm liền kề trước năm đề nghị trên cổng Thông tin điện tử của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, đồng thời gửi văn bản cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người sử dụng lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, đối chiếu với các điều kiện để được hỗ trợ, quyết định hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo mẫu số 03 và 04 quy định tại phụ lục II, chuyển cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh và thông báo cho người sử dụng lao động . Trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Phương án 2: 10 ngày làm việc**

**Hình thức thông báo cho người sử dụng lao động thực hiện thông qua email, tin nhắn hoặc bằng văn bản.**

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định hỗ trợ của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều này, Bảo hiêm xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm giải quyết hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động.

Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh không giải quyết thì phải có văn bản nói rõ lý do gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương, đồng thời gửi cho người sử dụng lao động; Trường hợp giải quyết chậm thì phải có thư xin lỗi người sử dụng lao động theo quy định về giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 36. Quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ huấn luyện**

1. Kinh phí hỗ trợ hoạt động huấn luyện được phân bổ và sử dụng cho các nội dung hoạt động quy định tại Điều 30 Nghị định này đảm bảo cân đối trong 10% nguồn thu của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Quy định tại Điều 56 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về quản lý và thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động huấn luyện .

 **Chương IV**

**GIAO KẾ HOẠCH KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA, CHIA SẺ RỦI RO VỀ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 37. Nguyên tắc giao kế hoạch và sử dụng kinh phí thực hiện**

1. Việc giao kế hoạch kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro dựa trên nguyên tắc sau:

a) Địa phương, doanh nghiệp chủ động xây dựng, đề xuất kế hoạch hỗ trợ;

b) Ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ hoạt động phòng ngừa cho những ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c) Chấp hành kịp thời chế độ báo cáo, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro phải ưu tiên cho các hoạt động hỗ trợ trực tiếp đối với người lao động và hoạt động điều tra lại tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhằm kịp thời khắc phục nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam dự trù khoản kinh phí dự phòng trong năm để kịp thời điều chuyển cho các địa phương, đơn vị khi cần thiết. Nguồn kinh phí dự phòng được bổ sung vào kế hoạch kinh phí được giao của các địa phương, đơn vị.

**Điều 38. Lập kế hoạch kinh phí**

1. Hằng năm, trước ngày 15 tháng 02, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan dự kiến nhu cầu sử dụng kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, lập kế hoạch đề xuất sử dụng kinh phí theo Mẫu số 01 Phụ lục III gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để xem xét.

2. Hằng năm, cùng thời gian quy định về lập dự toán ngân sách nhà nước, trên cơ sở dự toán thu quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội lập kế hoạch kinh phí hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và kinh phí dự phòngvà thông báo cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trung ương và các cơ quan liên quan.

3. Hàng năm, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có văn bản thông báo phê duyệt kế hoạch hỗ trợ hoạt động huấn luyện kèm theo Mẫu số 04 phụ lục III Nghị định này trước ngày 01 tháng 3; quyết định điều chỉnh kế hoạch hoạt động hỗ trợ huấn luyện, kinh phí hỗ trợ hoạt động huấn luyện dự phòng hoặc phê duyệt bổ sung kế hoạch hoạt động.

4. Trong trường hợp địa phương, đơn vị đã sử dụng hết kinh phí được giao kế hoạch mà vẫn có nhu cầu bổ sung trong năm thì tổng hợp kết quả thực hiện hoặc ước thực hiện báo cáo gửi về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để để Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét giao kế hoạch bổ sung từ khoản dự phòng kinh phí do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục III về đề xuất bổ sung kinh phí gửi về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15 tháng 7 của năm đề nghị bổ sung.

5. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, nguồn kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng năm không sử dụng hết được kết dư chuyển sang bổ sung vào kế hoạch hỗ trợ của các năm tiếp theo

6. Trường hợp tổng kinh phí trên toàn quốc sử dụng vượt quá kinh phí hỗ trợ dự kiến trong năm thì sẽ cân đối bù từ các năm chưa sử dụng hết vào kinh phí của năm tiếp theo.

**Chương V**

**CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG,**

**BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 39. Chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:**

1. Chi phí quản lý bảo hiểm bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thựchiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

2. Chi phí quản lý quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và các biện phápnhằm phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động,bệnh nghề nghiệp;

b) Chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c) Chi cải cách thủ tục hành chính về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chi phát triển, quản lý đối tượng tham gia, đối tượng thụ hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

d) Chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo; tổng hợp, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ từ hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và điều chỉnh mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

đ) Chi phí bảo quản, lưu trữ tài liệu có liên quan về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

e) Chi hỗ trợ cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội, cơ quan có liên quan trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chi công tác thanh tra, kiểm tra và các nhiệm vụ liên quan về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

g) Chi phí chuyển tiền, chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho Kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại.

h) Chi hoạt động phối hợp kiểm tra, giám sát việc giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nhiệm vụ liên quan về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Hỗ trợ công tác phối hợp chỉ đạo, chế độ công tác phí, làm đêm, thêm giờ. Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

i) Chi hỗ trợ hoạt động quản lý của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội các cấp như: Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình của Nhà nước; Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại nước ngoài và đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam về thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện làm việc phục vụ công tác và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 40. Kế hoạch tài chính, quản lý, sử dụng và quyết toán**

1. Hằng năm, cùng thời gian quy định về lập dự toán ngân sách nhà nước, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố lập dự toán chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Sau khi có quyết định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam giao dự toán về chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phân bổ chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê; lập và gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền để xét duyệt, thẩm định theo quy định.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định quyết toán năm về chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của các đơn vị và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho các đơn vị; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm theo quy định của Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4. Nguồn kinh phí chi phí quản lý đã được phê duyệt hàng năm, sử dụng không hết được kết chuyển sử dụng cho năm tiếp theo.

**Điều 41. Phương thức chuyển kinh phí chi quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

Căn cứ dự toán chi quản lý bảo hiểm xã hội (bao gồm bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) được Thủ tướng Chính phủ giao, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chuyển kinh phí về chi phí quản lý cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội vào đầu năm theo tổng dự toán được giao.

**Chương VI**

**QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI SỬ DỤNGLAO ĐỘNG**

**VÀ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

**Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về kế hoạch hỗ trợ của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên cơ sở đề nghị của các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và báo cáo của cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn chính sách, pháp luật, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong việc thực hiện bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Giao trách nhiệm cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý và tổng hợp kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ từ quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, lập kế hoạch đề xuất việc giao kinh phí hỗ trợ và kinh phí quản lý cho các địa phương trên cơ sở dự toán thu của năm giao, thực chi của năm trước, những ngành, nghề, lĩnh vực sản xuất có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tình hình chấp hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động ở địa phương, doanh nghiệp.

4. Chủ trì phối hợp với Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối hệ thống phần mềm chia sẻ cơ sở dữ liệu thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất với Chính phủ việc triển khai chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức, thực hiện khám,chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động và điều tra bệnh nghề nghiệp theo yêu cầu của cơ quan bảo hiểm xã hội.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh kiểm tra đảm bảo chất lượng khám, chữa bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng nghề nghiệp.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về việc khám, chữa bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng lao động theo quy định của pháp luật.

**Điều 44. Quyền và trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội**

1. Quyền của cơ quan bảo hiểm xã hội

a) Kiểm tra việc đóng, hưởng các chế độ hỗ trợ đối với người lao động và người sử dụng lao động.

b) Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Yêu cầu điều tra lại các trường hợp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội

a) Tuyên truyền mở rộng các đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hướng dẫn thủ tục thanh toán chi phí hỗ trợ khám, chữa bệnh, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và phục hồi chức năng lao động.

b)Thực hiện việc chi trả chi phí hỗ trợ khám, chữa bệnh, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và phục hồi chức năng lao động; điều tra lại tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; lưu trữ hồ sơ hỗ trợ khám, chữa bệnh, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và phục hồi chức năng lao động; điều tra lại tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệptheo quy định của pháp luật;bảo đảm kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin điện tử với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về bảo hiểm tai nạn lao động, để thường xuyên cập nhật, chia sẻ các thông tin cơ bản theo mẫu 02 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

d) Quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của pháp luật; xác nhận việc đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại địa phương.

đ) Tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

 e) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh tổng hợp kết quả thu, chi và việc thực hiện chính sách hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệpcủacả năm báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc theo mẫu số 01, Phụ lục IV kèm theo Nghị định này và chia sẻ các thông tin này qua kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin điện tử với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Báo cáo Bảo hiểm xã hội Việt Nam về tình hình quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

g) Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp kết quả thu, chi và việc thực hiện chính sách hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệpcủa năm trước và dự toán thu Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của nămbáo cáo Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc theo mẫu số 01 tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này; báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

i) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 45. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tiếp nhận hồ sơ,thẩm định và quyết định mức hỗ trợ và kinh phí, chi phí hỗ trợ về đào tạo chuyển đổi nghề, khám, chữa bệnh nghề nghiệp, phục hồi chức năng lao động và huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra lại các vụ tai nạn lao động và phối hợp với ngành y tế điều tra bệnh nghề nghiệp theo yêu cầu của cơ quan bảo hiểm xã hội.

4. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, trên cơ cơ sở dự toán thu quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất kế hoạch hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn theo mẫu số 03 phụ lục III kèm theo Nghị định này gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, phê duyệt.

Đối với kinh phí chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thực hiện công tác quản lý, lập kế hoạch dự toán và công tác kế toán, quyết toán theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính.

5. Hàng năm, công bố danh sách người sử dụng lao động gửi báo cáo an toàn, vệ sinh lao động hàng năm với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 30 tháng 1; công bố danh sách người sử dụng lao động được nhận hỗ trợ (kèm theo danh sách người lao động được hỗ trợ) trên công thông tin điện tử mà Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ra quyết định hỗ trợ.

6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

8. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

9. Báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

10. Hàng năm, chủ trì tổ chức cuộc họp đánh giá tình hình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ với cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương.

11. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 46.Trách nhiệm của Sở Y tế**

1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Chỉ đạo thực hiện khám,chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động và điều tra bệnh nghề nghiệp.

3.Chủ trì điều tra bệnh nghề nghiệp và phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình điều tra lại các vụ tai nạn lao động theo yêu cầu của cơ quan bảo hiểm xã hội.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về việc khám, chữa bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng lao động theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan về việc khám, chữa bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng lao độngtheo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 47. Trách nhiệm của người sử dụng lao động**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Kịp thời lập hồ sơ đề nghị giải quyết các chế độ cho người lao động từ quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, lập kế hoạch hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của năm sau gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương.

4. Thực hiện chi trả đầy đủ các chế độ và khoản hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

5. Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Chương VII**

 **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 48. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Người đang hưởng chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp điều trị xong, ra viện trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì vẫn thực hiện theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 30 tháng 6 năm 2016 trở về trước được tính là thời gian tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định này, trừ đối tượng chỉ tham gia vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

4. Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

5. Nghị định 37/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

**Điều 49. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn và triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Hằng năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng Quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán Nhà nước; - Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (3b).  | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

**PHỤLỤC I**

**Bảng, biểu mẫu thực hiện hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

***(Ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ)***

***Bảng số 01: Tính toán mức hỗ trợ hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mức suy giảm khả năng lao động** | **Mức hỗ trợ** | **Ghi chú** |
| **Mức học phí** | **Mức lương cơ sở** |
| 1 | 5% – 10% | 50% | 5 | Mức thấp nhất của 02 mức tính |
| 2 | 11%- 20% | 50% | 6 |
| 3 | 21%- 30% | 50% | 7 |
| 4 | 31%-40% | 50% | 8 |
| 5 | 41%-50% | 50% | 9 |
| 6 | 51%- 60% | 50% | 10 |
| 7 | 61-80% | 50% | 12 |
| 8 | Từ 81% trở lên | 50% | 15 |

***Mẫu 01.*** Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

 TÊN CƠ SỞ … CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 **Kính gửi :**

 **-** Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ………(1)………

I – THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở đề nghị (2): …………………………………………..

Địa chỉ (3): .........................................................................................................

Điện thoại (4): ..................................................................................

Người đại diện (5):………………………… chức vụ ………………………

II – THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NỘI DUNG YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Danh sách và thông tin về người lao động đề nghị hỗ trợ (6): (Phụ lục 01-1)

2. Nội dung yêu cầu giải quyết: *hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, với số kinh phí là:……* (7)*……………đồng*

3. Yêu cầu khác (8)..........................................................................................................

............................................................................................................................................

4. Hình thức nhận tiền hỗ trợ (9)

[ ]  Tiền mặt [ ]  Tại cơ quan BHXH [ ]  Qua tổ chức dịch vụ BHXH

[ ]  ATM: Chủ tài khoản .............................................. số CMND........................................:Số tài khoản .............................. Ngân hàng .................................................... Chi nhánh ..............................................

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 02****: Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp*

 TÊN CƠ SỞ … CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và Tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số sổ BHXH/Mã số BHXH | Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước | Số điện thoại (nếu có) | Công việc khi bị TNLĐ/BNN | Công việc sau khi chuyển đổi nghề | Kinh phí đào tạo nghề | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 03****:* Quyết định hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp

 UBND tỉnh (TP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

 **--------------- ------------------**

Số ………/……..

 ………………., ngày …… tháng …….. năm ……

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ………**

 - Căn cứ Nghị định /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ;

 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

 - Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp của

………………………………………………

 - Theo đề nghị của …………………

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp

 1. Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động (danh sách kèm theo)

 2. Số tiền hỗ trợ ……… đồng

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm chuyển kinh phí hỗ trợ cho ……………. Theo đúng quy định.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

 2. ……………….., cơ quan BHXH tỉnh/thành phố ..., người lao động có tên tại danh sách kèm theo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:* GIÁM ĐỐC**

 (Ký tên, đóng dấu)

**HƯỚNG DẪN LẬP MẪU 1, 2, 3**

(1) Ghi tên địa phương doanh nghiệp, cơ sở tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động được đề nghị giải quyết chế độ;

(2) Ghi đầy đủ tên cơ sở

(3) Ghi đầy đủ địa chỉ nơi cơ sở đóng trự sở: Số nhà, ngõ (ngách, hẻm), đường phố, tổ (thôn, xóm, ấp), xã (ph­ường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh, thành phố;

 (4) Ghi rõ số điện thoại của đơn vị

(5) Ghi tên người đại diện của đơn vị

(6) Ghi danh sách những người lao động được đề nghị giải quyết chế độ cùng với các thông tin theo mẫu 01.1 Phụ lục I kèm theo

(7) Ghi rõ số tiền bằng số và bằng chữ

(8) Trường hợp có yêu cầu khác thì ghi rõ nội dung yêu cầu và các thông tin liên quan đến yêu cầu giải quyết.

(9) Đánh dấu vào các ô tương ứng để chọn hình thức nhận tiền hỗ trợ.

Nếu nhận bằng tiền mặt thì đánh dấu tiếp để chọn nơi nhận là tại cơ quan BHXH hay thông qua tổ chức dịch vụ BHXH; nếu nhận thông qua tài khoản ATM thì ghi bổ sung tên chủ tài khoản, số chứng minh nhân dân, số tài khoản, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng mở tài khoản.

***Mẫu 04****:* Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng lao động cho người lao động

 TÊN CƠ SỞ … CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 **Kính gửi :**

 **-** Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ………(1)………

 - Bảo hiểm xã hội ……………(1)……………………

I – THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở đề nghị (2): …………………………………………..

Địa chỉ (3): .........................................................................................................

Điện thoại (4): ..................................................................................

Người đại diện (5):………………………… chức vụ ………………………

II – THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NỘI DUNG YÊU CẦU ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Danh sách và thông tin về người lao động đề nghị hỗ trợ (6):

2. Nội dung yêu cầu giải quyết (7):

[ ]  Hỗ trợ chi phí khám bệnh nghề nghiệp, với số kinh phí là:…………………đồng

[ ]  Hỗ trợ chi phí chữa khám bệnh nghề nghiệp, với số kinh phí là:………………đồng

[ ]  Hỗ trợ chi phí phục hồi chức năng lao động, với số kinh phí là:………………đồng

3. Yêu cầu khác (8)..........................................................................................................

............................................................................................................................................

4. Hình thức nhận tiền hỗ trợ (9)

[ ]  Tiền mặt [ ]  Tại cơ quan BHXH [ ]  Qua tổ chức dịch vụ BHXH

[ ]  ATM: Chủ tài khoản .............................................. số CMND........................................:Số tài khoản .............................. Ngân hàng .................................................... Chi nhánh ..............................................

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 05****:* Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí khám bệnh nghề nghiệp

 TÊN CƠ SỞ … CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và Tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số sổ BHXH/Mã số BHXH | Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước | Số điện thoại (nếu có) | Công việc đang làm khi phát hiện bệnh nghề nghiệp | Bệnh nghề nghiệp được phát hiện | Kinh phí khám bệnh nghề nghiệp | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 06****:* Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí chữa bệnh nghề nghiệp

 TÊN CƠ SỞ … CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí chữa bệnh nghề nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và Tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số sổ BHXH/Mã số BHXH | Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước | Số điện thoại (nếu có) | Công việc đang làm  | Bệnh nghề nghiệp khi điều trị | Kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 07****:* Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí phục hồi chức năng lao động

 TÊN CƠ SỞ … CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Danh sách đề nghị hỗ trợ chi phí phục hồi chức năng lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và Tên | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Số sổ BHXH/Mã số BHXH | Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước | Số điện thoại (nếu có) | Công việc đang làm  | Đơn vị phục hồi chức năng lao động/Bệnh nghề nghiệp  | Kinh phí phục hồi chức năng lao động | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Mẫu 08****:* Quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp nghề nghiệp

UBND tỉnh (TP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

 **--------------- ------------------**

Số ………/……..

 ………………., ngày …… tháng …….. năm …

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ………**

 - Căn cứ Nghị định /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ;

 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

 - Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp của ……

 - Theo đề nghị của …………………

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp

 1. Hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động (danh sách kèm theo)

 2. Số tiền hỗ trợ: ……… đồng

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm chuyển kinh phí hỗ trợ cho ……………. Theo đúng quy định.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

 2. ………………………….., cơ quan BHXH tỉnh/thành phố ..., người lao động có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:* GIÁM ĐỐC**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

***Mẫu 09****:* Quyết định hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp nghề nghiệp

UBND tỉnh (TP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

 **--------------- ------------------**

Số ………/……..

 ………………., ngày …… tháng …….. năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ………**

 - Căn cứ Nghị định /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ;

 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

 - Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp của …………………….

 - Theo đề nghị của …………………

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí khám bệnh nghề nghiệp

 1. Hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động (danh sách kèm theo)

 2. Số tiền hỗ trợ: ……… đồng

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm chuyển kinh phí hỗ trợ cho ……………. Theo đúng quy định.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

 2. ………………………….., cơ quan BHXH tỉnh/thành phố ..., người lao động có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:* GIÁM ĐỐC**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

***Mẫu 10****:* Quyết định hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động

UBND tỉnh (TP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ LAO ĐỘNG – TB&XH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

 **--------------- ------------------**

Số ………/……..

 ………………., ngày …… tháng …….. năm …

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ………**

 - Căn cứ Nghị định /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ;

 - Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

 - Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động của ...

 - Theo đề nghị của …………………

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động

 1. Hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng lao động cho người lao động (danh sách kèm theo)

 2. Số tiền hỗ trợ: ……… đồng

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm chuyển kinh phí hỗ trợ cho ……………. Theo đúng quy định.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

 1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

 2. ………………………….., cơ quan BHXH tỉnh/thành phố ..., người lao động có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:* GIÁM ĐỐC**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

***Mẫu số 11*:** Đơn đề nghị hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp của người lao động

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

**Kính gửi :**

 **-** Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ………(1)………

 - Bảo hiểm xã hội ……………(1)……………………

Tên tôi là:……………………………………………………………Nam/Nữ…………………

Sinh ngày:……………………………………………………………………………………….

Quê quán:………………………………………………………………………………………..

Nêu lý do:...……………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

Vậy tôi làm đơn đề nghị………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………….

 Người viết đơn

 *(Ký, ghi rõ họ tên)*

|  |
| --- |
| *.............., ngày ....... tháng ..... năm ......***GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**HƯỚNG DẪN LẬP MẪU 04-10**

(1) Ghi tên địa phương doanh nghiệp, cơ sở tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động được đề nghị giải quyết chế độ;

(2) Ghi đầy đủ tên cơ sở

(3) Ghi đầy đủ địa chỉ nơi cơ sở đóng trự sở: Số nhà, ngõ (ngách, hẻm), đường phố, tổ (thôn, xóm, ấp), xã (ph­ường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh, thành phố;

 (4) Ghi rõ số điện thoại của đơn vị

(5) Ghi tên người đại diện của đơn vị

(6) Ghi danh sách những người lao động được đề nghị giải quyết chế độ cùng với các thông tin theo mẫu 05-07 Phụ lục I kèm theo

(7) Đánh dấu vào ô tương ứng với nội dung yêu cầu hỗ trợ và ghi rõ số tiền bằng số và bằng chữ

(8) Trường hợp có yêu cầu khác thì ghi rõ nội dung yêu cầu và các thông tin liên quan đến yêu cầu giải quyết.

(9) Đánh dấu vào các ô tương ứng để chọn hình thức nhận tiền hỗ trợ.

Nếu nhận bằng tiền mặt thì đánh dấu tiếp để chọn nơi nhận là tại cơ quan BHXH hay thông qua tổ chức dịch vụ BHXH; nếu nhận thông qua tài khoản ATM thì ghi bổ sung tên chủ tài khoản, số chứng minh nhân dân, số tài khoản, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng mở tài khoản

**PHỤ LỤC II**

**Biểu mẫu phục vụ công tác hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động**

*(Kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày …. tháng …. năm … của Chính phủ quy định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Văn bản đề nghị hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động |

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 02 | Danh sách các đối tượng đề nghị hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động |
| Mẫu số 03 | Quyết định hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội. |
| Mẫu số 04 | Danh sách các đối tượng được hỗ trợ chi phí huấn luyện và mức hỗ trợ chi tiết.  |
| Mẫu số 05 | Đề nghị hỗ trợ cung cấp tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN CƠ SỞ****Số ……../ …………..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc -------------------------------------***………….., ngày ….. tháng …… năm ……..* |

**Văn bản đề nghị hỗ trợ huấn luyện**

**an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động**

**-----------------**

**Kính gửi:**  Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ………..(1).........

Tên cơ sở đề nghị: .......................................................................................................................

Địa chỉ trụ sở: ...............................................................................................................................

Điện thoại cố định: ................................................ Điện thoại di động: …………………..……

Thư điện tử (Email): ...............................................................

Người đại diện ……………………………………… chức vụ ...................................................

Đề nghị hỗ trợ chi phí/ tài liệu huấn luyện cho đối tượng người lao động đang làm việc tại cơ sở (có danh sách huấn luyện kèm theo) theo quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày //2019 của Chính phủ.

Hình thức nhận hỗ trợ qua chuyến khoản: □ (2)

Số tài khoản nhận chuyển tiền của cơ sở: ……………………………….

Ngân hàng/kho bạc: ………………………………….……………….…

Hình thức nhận hỗ trợ bằng tiền mặt: □ (2)

Họ và tên người được ủy quyền nhận tiền mặt: ……………………………………………….

Số chứng minh thư hoặc hộ chiếu: ……………………………………….……………………..

Ngày cấp: ………………….…………. Nơi cấp: ………………………………………...

Đăng ký nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng:

Văn bản □ Thư điện tử □ Tin nhắn □ (3)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** | **NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**(Ký tên, đóng dấu) |

Ghi chú:

(1) Ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.

(2) Chỉ được lựa chọn một trong hai hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt và đánh dấu X vào ô trống □, đồng thời ghi đầy đủ thông tin theo hình thức lựa chọn.

(3) Chỉ được lựa chọn một hình thức và đánh dấu X vào ô trống □

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)….**TÊN CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------------------------** |

**DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG***(kèm theo văn bản đề nghị số..../.... ngày …../…./…. )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên theo nhóm đối tượng | Năm sinh | Số sổ BHXH/ Mã số BHXH | Hỗ trợ huấn luyện lần đầu1 | Hỗ trợ huấn luyện định kỳ2 | Mức kinh phí đề nghị hỗ trợ | Tên tổ chức huấn luyện cho người lao động, ngày và địa điểm huấn luyện |
| 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|  I | Nhóm 1 |   |   |   |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |  |  |  |
|  … |   |   |   |   |  |  |  |
|  II | Nhóm 2 |   |   |   |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| III | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |
|  1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| IV | Nhóm 5 |  |  |  |  |  |  |
|  1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| V | Nhóm 6 |  |  |  |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|   | **NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**(Ký tên, đóng dấu) |  |  |

**Ghi chú:**

1  Ghi chữ “đạt” nếu qua sát hạch đạt yêu cầu thuộc trường hợp đề xuất hỗ trợ lần đầu.

2 Đánh dấu x nếu thuộc trường hợp đề nghị hỗ trợ huấn luyện định kỳ.

3 Trường hợp tổ chức đủ điều kiện hoạt động huấn luyện hoặc doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luấn luyện đăng ký được hỗ trợ tài liệu huấn luyện thì có thể ghi tên tài liệu cần được hỗ trợ huấn luyện.

***Mẫu số 03***

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH…**SỎ LAO ĐỘNG - THUƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc -----------------------------------------------** |

Số ………/……..

 ………………., ngày …… tháng …….. năm …

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ………**

- Căn cứ Nghị định /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ quy định...;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tại quyết định số ;

- Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của ....... (1)........ ngày,,,,, tháng ..... năm.....

- Theo đề nghị của …………………

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Hỗ trợ chi phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 20.... cho .. (1)..........

Địa chỉ trụ sở tại ......................................................................................

Số điện thoại: ...................................... Email: .......................................

Họ và tên người đại diện ……………………………………………………

Chức vụ ..........................................................................................................

Tổng số tiền hỗ trợ bằng số là ..................................... đồng

Bằng chữ ................................................................................................

Danh sách người lao động được nhận hỗ trợ và chi tiết mức hỗ trợ kèm theo quyết định này.

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm thanh toán chi phí hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho ……(1)……...

Hình thức thanh toán chuyến khoản: (2)

Số tài khoản nhận chuyển tiền của cơ sở: ……………………………….

Ngân hàng/kho bạc: ………………………………….……………….…

Hình thức thanh toán tiền mặt: (2)

Họ và tên người được ủy quyền nhận tiền mặt: ……………………………

Số chứng minh thư hoặc hộ chiếu: ………………………………………

Ngày cấp: ………………….…… Nơi cấp: ………………………...

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. ………………………….., Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố ..., người sử dụng lao động có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên BHXH tỉnh...;- Tên người sử dụng lao động (ghi rõ hình thức nhận thông báo).....- Lưu VT,... | **GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

(1) Ghi tên người sử dụng lao động/cơ sở tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động được đề nghị giải quyết chế độ;

 (2) Ghi hình thức mà người sử dụng lao động/cơ sở tham gia bảo hiểm xã hội đề nghị.

**Mẫu số 04**

**DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ CHI TIẾT MỨC HỖ TRỢ***(kèm theo quyết định số..../.... ngày …../…./…. )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên theo nhóm đối tượng | Năm sinh | Số sổ BHXH/ Mã số BHXH | Hỗ trợ huấn luyện lần đầu1 | Hỗ trợ huấn luyện định kỳ2 | Mức chi phí hỗ trợ | Tên tổ chức huấn luyện cho người lao động, ngày và địa điểm huấn luyện |
|  I | Nhóm 1 |   |   |   |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |  |  |  |
|  … |   |   |   |   |  |  |  |
|  II | Nhóm 2 |   |   |   |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| III | Nhóm 3 |  |  |  |  |  |  |
|  1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| IV | Nhóm 5 |  |  |  |  |  |  |
|  1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| V | Nhóm 6 |  |  |  |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN CƠ SỞ****Số ……../ …………..** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc -------------------------------------***………….., ngày ….. tháng …… năm ……..* |

**Văn bản đề nghị hỗ trợ tài liệu huấn luyện**

**an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động**

**-----------------**

**Kính gửi:**  Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ………..(1).........

Tên cơ sở đề nghị: .......................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** | **NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**(Ký tên, đóng dấu) |

Ghi chú:

Chỉ được lựa chọn một hình thức và đánh dấu X vào ô trống □

**Mẫu số 05**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)….**TÊN TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------------------------** |

Kính gửi: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CUNG CẤP TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Địa chỉ trụ sở: ...............................................................................................................................

Điện thoại cố định: ................................................ Điện thoại di động: …………………..……

Thư điện tử (Email): ...............................................................

Người đại diện ……………………………………… chức vụ ...................................................

Đề nghị hỗ trợ tài liệu huấn luyện cho đối tượng người lao động đang làm việc tại cơ sở / được huấn luyện tại cơ sở (có danh sách huấn luyện kèm theo) theo quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày //2019 của Chính phủ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên theo nhóm đối tượng | Năm sinh | Số sổ BHXH/ Mã số BHXH | Tên tài liệu đề nghị hỗ trợ1 |
| 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
|  I | Nhóm 1 |   |   |   |
|  1 |   |   |   |   |
|  … |   |   |   |   |
|  II | Nhóm 2 |   |   |   |
|  1 |   |   |   |   |
| … |  |  |  |  |
| III | Nhóm 3 |  |  |  |
|  1 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| IV | Nhóm 5 |  |  |  |
|  1 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| V | Nhóm 6 |  |  |  |
|  1 |   |   |   |   |
| … |  |  |  |  |
|  |  |
|   | **NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**(Ký tên, đóng dấu) |  |  |

**Ghi chú:**

**PHỤ LỤC III**

**Biểu mẫu thực hiện kế hoạch kinh phí hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về TNLĐ, BNN và chi phí quản lý Bảo hiểm TNLĐ, BNN**

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH…. .**SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc------------------------------------------------** |

 ……….., ngày …. Tháng …. Năm ……….

**KẾ HOẠCH KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA, CHIA SẺ RỦI RO VỀ TNLĐ, BNN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM TNLĐ, BNN NĂM …**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC** | **ĐỀ XUẤT KH NĂM ….** | **GHI CHÚ** |
| KP đề xuất | KP được giao | KP thực hiện |  |  |
| **I** | **HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA** |  |  |  |  |  |
| 1 | Khám bệnh, chữa bệnh NN |  |  |  |  |  |
| 2 | Phục hồi chức năng TNLĐ, BNN |  |  |  |  |  |
| 3 | Điều tra lại TNLĐ, BNN |  |  |  |  |  |
| 4 | Huấn luyện ATVSLĐ |  |  |  |  | Kế hoạch chi tiết tại bảng kèm theo (Mẫu số 03) |
| Cộng |  |  |  |  |  |
| **II** | **CHI PHÍ QUẢN LÝ** |  |  |  |  |  |
| TỔNG CỘNG (I+II) |  |  |  |  |  |

**Nơi nhận: GIÁM ĐỐC**

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH…. .**SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc------------------------------------------------** |

**ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG NĂM 20….**

Ước tính số thu bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp năm 20…

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm đối tượng** | **Số lượng** | **Mức hỗ trợ** | **Thành tiền**  |
| **I** | **Nhóm 1** |  |  |  |
|  1 |  Huấn luyện lần đầu |   |   |   |
| 2 |  Huấn luyện định kỳ |   |   |   |
| **II** | **Nhóm 2** |  |  |  |
|  1 |  Huấn luyện lần đầu |   |   |   |
| 2 |  Huấn luyện định kỳ |  |  |  |
| **III** | **Nhóm 3** |  |  |  |
|  1 |  Huấn luyện lần đầu |  |  |  |
| 2 |  Huấn luyện định kỳ |  |  |  |
| **IV** | **Nhóm 5** |  |  |  |
|  1 |  Huấn luyện lần đầu |  |  |  |
| 2 |  Huấn luyện định kỳ |  |  |  |
| **V** | **Nhóm 6** |  |  |  |
|  1 |  Huấn luyện lần đầu |   |   |   |
| 2 |  Huấn luyện định kỳ |  |  |  |
| Tổng |  | - |  |

**(Tổng số tiền đề xuất hỗ trợ bằng chữ: ……………………………………………)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** | **GIÁM ĐỐC** (Ký tên, đóng dấu) |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Mẫu số 04**

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG NĂM 20….**

*(gửi kèm theo công văn số …… /LĐTBXH-ATLĐ ngày ….. tháng …. Năm 20……)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên địa phương** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 5** | **Nhóm 6** | **Tổng tiền** |
| **Số người** | **Số tiền** | **Số người** | **Số tiền** | **Số người** | **Số tiền** | **Số người** | **Số tiền** | **Số người** | **Số tiền** |  |
| **1** | **Tỉnh……** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** | Hỗ trợ huấn luyện lần đầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** | Hỗ trợ định kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | Tỉnh…..  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** | Hỗ trợ huấn luyện lần đầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **-** | Hỗ trợ định kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu số 05**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH…. .**SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc------------------------------------------------** |

 ……….., ngày …. Tháng …. Năm ……….

**ĐỀ XUẤT BỔ SUNG KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA, CHIA SẺ RỦI RO VỀ TNLĐ, BNN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ QUỸ BẢO HIỂM TNLĐ, BNN NĂM ….**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **KẾT QUẢ ĐÃ THỰC HIỆN**  | **ĐỀ XUẤT BỔ SUNG KH NĂM ….** | **GHI CHÚ** |
| KP được giao | KP đã thực hiện | Tổng KP ước thực hiện |  |  |
| **I** | **HỖ TRỢ PHÒNG NGỪA** |  |  |  |  |  |
| 1 | Khám bệnh, chữa bệnh NN |  |  |  |  |  |
| 2 | Phục hồi chức năng TNLĐ, BNN |  |  |  |  |  |
| 3 | Điều tra lại TNLĐ, BNN |  |  |  |  |  |
| 4 | Huấn luyện ATVSLĐ |  |  |  |  |  |
| Cộng |  |  |  |  |  |
| **II** | **CHI PHÍ QUẢN LÝ** |  |  |  |  |  |
| TỔNG CỘNG (I+II) |  |  |  |  |  |

**Nơi nhận: GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC IV**

**Biểu mẫu phục vụ công tác báo cáo, tra cứu thông tin**

**bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

*(Kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày …. tháng …. năm … của Chính phủ quy định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người tham gia bảo hiểm xã hội |

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 02 | Các thông tin tra cứu, cập nhật về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp |

 **Mẫu số 01**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Đơn vị báo cáo : BẢO HIỂM XÃ HỘI ....**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

**Kỳ báo cáo năm . . .**

Ngày báo cáo: ......................................

Kính gửi: ...........................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Tên chỉ tiêu thống kê** | **Số người** | **Chi phí** |
| **Phát sinh trong năm**  | **Công dồn đến kỳ báo cáo**  | **Phát sinh**  | **Cộng dồn** |
|  | **1** | 2 | 3 | 4 | 3 |
| **1** | **Số được hưởng hàng tháng** |   |   |   |   |
| 1.1 | Người bị tai nạn lao động ( TNLĐ) |   |   |   |   |
| a | Suy giảm khả năng lao động (KNLĐ)31%- 40% |   |   |   |   |
| b | 41%- 50% |   |   |   |   |
| c | 51%- 60% |   |   |   |   |
| d | 61%- 70% |   |   |   |   |
| đ | 71%- 80% |   |   |   |   |
| e | 81%- 100% |   |   |   |   |
| 1.2 | Người bị bệnh nghề nghiệp (BNN) |   |   |   |   |
| a | Suy giảm KNLĐ từ 31%- 40% |   |   |   |   |
| b | 41%- 50% |   |   |   |   |
| c | 51%- 60% |   |   |   |   |
| d | 61%- 70% |   |   |   |   |
| đ | 71%- 80% |   |   |   |   |
| e | 81%- 100% |   |   |   |   |
| 1.3 | PV-TNLĐ |   |   |   |   |
| **2** | **Số được hưởng một lần** |  |  |  |  |
| 2.1 | Trợ cấp TNLĐ 1 lần do bị thương |   |   |   |   |
| a | Suy giảm KNLĐ 5 %- 10% |   |   |   |   |
| b | 11%- 20% |   |   |   |   |
| c | 21%- 30% |   |   |   |   |
| d | Chết do TNLĐ |   |   |   |   |
| 2.2 | Trợ cấp BNN 1 lần  |   |   |   |   |
| a | Suy giảm KNLĐ 5 %- 10% |   |   |   |   |
| b | 11%- 20% |   |   |   |   |
| c | 21%- 30% |   |   |   |   |
| 2.3 | Dưỡng sức, PHSK, DCCH |   |   |   |   |
| 2.4 | Giám định thương tật |   |   |   |   |
| 2.5 | Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro |   |   |   |   |
| 2.6 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp |   |   |   |   |
| 2.7 | Lệ phí chi trả |   |   |   |   |
| 2.8 | Mua BHYT |   |   |   |   |
| **3** | **Người bị tai nạn giao thông được hưởng chế độ TNLĐ** |  |  |  |  |
| **3.1** | **Số được hưởng hằng tháng** |  |  |  |  |
| a | BỊ tai nạn giao thông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ  |  |  |  |  |
| b | Bị tai nạn trên đường đi và về |  |  |  |  |
| **3.2** | **Số được hưởng một lần** |  |  |  |  |
| a | BỊ tai nạn giao thông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ  |  |  |  |  |
| b | Bị tai nạn trên đường đi và về |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** (Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC**(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) |

**Mẫu số 02**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN TRA CỨU CẬP NHẬT LIÊN TỤC VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

(GIỮA CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI)

**Thời điểm tra cứu: ........................**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | **Tên chỉ tiêu thống kê** | **Số người được hưởng chế độ** |
| **Phát sinh trong năm đến thời điểm tra cứu** | **Cộng dồn các năm đến thời điểm tra cứu** |
|  | **1** | 2 | 3 |
| **1** | **Số được hưởng hàng tháng** |   |   |
| 1.1 | Người bị tai nạn lao động ( TNLĐ) |   |   |
| a | Suy giảm khả năng lao động (KNLĐ)31%- 40% |   |   |
| b | 41%- 50% |   |   |
| c | 51%- 60% |   |   |
| d | 61%- 70% |   |   |
| đ | 71%- 80% |   |   |
| e | 81%- 100% |   |   |
| 1.2 | Người bị bệnh nghề nghiệp (BNN) |   |   |
| a | Suy giảm KNLĐ từ 31%- 40% |   |   |
| b | 41%- 50% |   |   |
| c | 51%- 60% |   |   |
| d | 61%- 70% |   |   |
| đ | 71%- 80% |   |   |
| e | 81%- 100% |   |   |
| 1.3 | PV-TNLĐ |   |   |
| **2** | **Số được hưởng một lần** |  |  |
| 2.1 | Trợ cấp TNLĐ 1 lần do bị thương |   |   |
| a | Suy giảm KNLĐ 5 %- 10% |   |   |
| b | 11%- 20% |   |   |
| c | 21%- 30% |   |   |
| d | Chết do TNLĐ |   |   |
| 2.2 | Trợ cấp BNN 1 lần  |   |   |
| a | Suy giảm KNLĐ 5 %- 10% |   |   |
| b | 11%- 20% |   |   |
| c | 21%- 30% |   |   |
| 2.3 | Dưỡng sức, PHSK, DCCH |   |   |
| 2.4 | Giám định thương tật |   |   |
| 2.5 | Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro |   |   |
| 2.6 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp |   |   |
| 2.7 | Lệ phí chi trả |   |   |
| 2.8 | Mua BHYT |   |   |
| **3** | **Người bị tai nạn giao thông được hưởng chế độ TNLĐ** |  |  |
| **3.1** | **Số được hưởng hằng tháng** |  |  |
| a | Bị tai nạn giao thông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ  |  |  |
| b | Bị tai nạn trên đường đi và về |  |  |
| **3.2** | **Số được hưởng một lần** |  |  |
| a | Bị tai nạn giao thông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ  |  |  |
| b | Bị tai nạn trên đường đi và về |  |  |